

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
				10%					30%	60%	100%		
					1	1	1						
1	2012719032	Huỳnh Thị Tú Anh	N20DLK1	9	8	7	7		7.3	4.0	0.0	Không	
2	2012719031	Đặng Ngọc Lan Anh	N20DLK1	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
3	2013719033	Nguyễn Công Định	N20DLK1	8	8	7	8		7.7	5.0	6.1	Sáu phẩy Một	
4	2013719035	Lê Hoàng Đức	N20DLK1	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
5	2012719037	Đặng Thùy Dung	N20DLK1	8	9	8	8		8.3	5.0	6.3	Sáu phẩy Ba	
6	2012719039	Võ Thị Mỹ Duyên	N20DLK1	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
7	2012719040	Đỗ Thị Ngân Hà	N20DLK1	10	9	8	8.5		8.5	5.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
8	2012719041	Tôn Nữ Ngọc Hằng	N20DLK1	8	9	8	8.5		8.5	5.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
9	2013719044	Trần Đình Huy	N20DLK1	9	8	7	8		7.7	7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
10	2013719045	Lục Gia Huy	N20DLK1	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
11	2013719047	Nguyễn Đăng Khánh	N20DLK1	10	9.5	8	9		8.8	10.0	9.6	Chín phẩy Sáu	
12	2013719048	Nguyễn Anh Khoa	N20DLK1	9	8	8	7.5		7.8	6.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
13	2013719051	Nguyễn Thành Long	N20DLK1	10	8	8	8		8.0	6.0	7.0	Bảy	
14	2013719053	Dương Tấn Luân	N20DLK1	8	8.5	8	7.5		8.0	3.0	0.0	Không	
15	2012719056	Nguyễn Thị Trà My	N20DLK1	10	10	8	9		9.0	7.8	8.4	Tám phẩy Bốn	
16	2013719058	Nguyễn Thế Kỳ Nam	N20DLK1	8	7	6	8		7.0	4.0	0.0	Không	
17	2012719059	Huỳnh Thị Kim Nga	N20DLK1	8	8	7	7		7.3	6.0	6.6	Sáu phẩy Sáu	
18	2013719063	Lê Nguyễn Kim Phương	N20DLK1	8	8	8	8.5		8.2	7.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
19	2012719065	Võ Thị Bạch Phượng	N20DLK1	8	8	7.5	7.5		7.7	3.5	0.0	Không	
20	2012719068	Lê Bảo Thanh	N20DLK1	9	9	7	8.5		8.2	2.5	0.0	Không	
21	2013719070	Nguyễn Văn Thiện	N20DLK1	8	8	7.5	7.5		7.7	0.3	0.0	Không	
22	2012719073	Nguyễn Ngọc Tịnh	N20DLK1	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
23	2013719075	Hồ Thăng Trung	N20DLK1	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
24	2013719076	Phan Minh Trường	N20DLK1	8	8	7	7		7.3	0.3	0.0	Không	
25	2012719077	Phan Nguyễn Mộng Tuyền	N20DLK1	8	9	8	8		8.3	5.0	6.3	Sáu phẩy Ba	
26	2012719078	Đặng Thị Khánh Vân	N20DLK1	8	8	7	7		7.3	3.5	0.0	Không	
27	2012719030	Võ Thị Tổ Anh	N20DLK2	9	8	7	8		7.7	4.0	0.0	Không	
28	2013719034	Phạm Quang Định	N20DLK2	5	8	7.5	0		5.2	CT	0.0	Không	Cấm thi do V
29	2013719036	Phan Hoài Đức	N20DLK2	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
30	2013719038	Lê Phúc Duy	N20DLK2	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
31	2012719042	Hà Thị Minh Hào	N20DLK2	9	8	7	7		7.3	5.0	6.1	Sáu phẩy Một	
32	2012719043	Nguyễn Mai Hương	N20DLK2	9	9	8	7		8.0	6.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
33	2012719046	Phạm Ngọc Khanh	N20DLK2	8	8	7	7.5		7.5	5.0	6.1	Sáu phẩy Một	
34	2012719049	Trịnh Thị Thùy Lâm	N20DLK2	9	9	8	7.5		8.2	6.0	7.0	Bảy	
35	2012719050	Huỳnh Thị Mỹ Liên	N20DLK2	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
36	2013719052	Trần Ngọc Long	N20DLK2	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
37	2012719054	Lê Thị Phương Mai	N20DLK2	10	10	10	9		9.7	10.0	9.9	Chín phẩy Chín	
38	2012719055	Đặng Hiền My	N20DLK2	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
39	2013719057	Phan Phụng Hoàng Nam	N20DLK2	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
40	2013719060	Trịnh Hữu Nhân	N20DLK2	8	8	8	7		7.7	7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	

Ngày thi: 06/02/2015

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
41	2012719061	Nguyễn Lê Yến Ni	N20DLK2	8	9	8	8		8.3	8.0	8.1	Tám phẩy Một	
42	2013719062	Lê Duy Pháp	N20DLK2	8	9	6	8		7.7	9.0	8.5	Tám phẩy Năm	
43	2012719064	Huỳnh Thị Kim Phượng	N20DLK2	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
44	2012719066	Trần Thị Tiên Sa	N20DLK2	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
45	2013719067	Phạm Văn Sơn	N20DLK2	8	8	7	6		7.0	8.5	8.0	Tám	
46	2012719069	Phạm Thị Thu Thảo	N20DLK2	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
47	2012719071	Lê Thị Hoài Thu	N20DLK2	5	7	6	0		4.3	CT	0.0	Không	Cấm thi,
48	2012719072	Nguyễn Trần Ninh Thuận	N20DLK2	8	7.5	8	7.5		7.7	8.5	8.2	Tám phẩy Hai	
49	2013719074	Nguyễn Ngọc Toàn	N20DLK2	8	7.5	8	7.5		7.7	8.5	8.2	Tám phẩy Hai	
50	2012719079	Trần Thị Thảo Vi	N20DLK2	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
51	2012719080	Võ Thị Ngọc Vi	N20DLK2	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
52	2013719081	Phan Nhật Vỹ	N20DLK2	8	8	8	7		7.7	8.5	8.2	Tám phẩy Hai	
53	2012719082	Hồ Thị Hải Yến	N20DLK2	10	7.5	7	7		7.2	7.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
54	1913711410	Nguyễn Đình Bá	N20DLK2	9	9	8	8.5		8.5	8.5	8.6	Tám phẩy Sáu	
55	1913711527	Phạm Nguyễn Minh Trí	N20DLK2	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	26	47%	
2	Số sinh viên nợ	29	53%	
TỔNG CỘNG :		55	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 02 năm 2015
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân